TÒA ÁN NHA DA **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST Ngày 30-8-2022 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHA DA THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhA nhA dA:

Ông Võ Thành NhA.

Bà Cao Thị Loan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhA dA thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhA dA thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa***: Ông Mai Hùng NhA - *Kiểm sát viên*.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhA dA thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhA và gia đình thụ lý số: 251/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Kiều D, sinh năm 1981; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: Số B, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn: Trần Văn N, sinh năm 1982; (vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: Số B, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Kiều D trình bày:

Chị và anh N quen biết và tiến tới hôn nhA từ năm 2003, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhA dA xã TA Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc sống vợ chồng đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhA do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Cả hai ly thA từ đầu năm 2019 cho đến nay. Đã cố hàn gắn Nng không có kết quả. Nhận thấy, tính tình cả hai không phù hợp, tình cảm không còn, mục đích hôn nhA không đạt được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét:

- Về hôn nhA: Chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Yến N, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2004 và Trần Thiên N, sinh năm 2013. Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Trần Văn N: Đã được toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật Nng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Kiều D xin vắng mặt, có văn bản xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Trần Văn N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuN theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều thực hiện đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng sự triệu tập của Toà án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kiều D là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Trần Thiên N cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Kiều D và anh Trần Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhN dN xã TN Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Ngày 07/4/2022 chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh N, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhN và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dN sự. Anh Trần Văn N cư trú tại xã TN Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dN sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhN dN thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn Trần Văn N đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai Nng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dN sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhN: Chị D yêu cầu ly hôn với anh N vì cho rằng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Mặc dù đã cố gắn hàn gắn tình cảm để lo cho con cái. Nng không giải quyết được mâu thuẫn.

Cả hai đã ly thN từ năm 2019 đến nay. Xét thấy, tại phiên tòa chị D xin vắng mặt xét xử và không có văn bản thay đổi yêu cầu khởi kiện, cho thấy chị D kiên quyết ly hôn với anh N. Ngoài ra, từ khi chị D khởi kiện ly hôn đến nay, phía anh N cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với chị D, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị D. Thời gian vợ chồng anh chị ly thN cũng đã lâu Nng không đoàn tụ được. Cho thấy, hôn nhN giữa chị D với anh N mục đích hôn nhN không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhN chị D và anh N có 02 con chung tên Trần Yến N, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2004 và Trần Thiên N, sinh năm 2013. Cháu Yến N đến thời điểm xét xử đã đủ 18 tuổi. Cháu Thiên N hiện đang sống với anh D, chị D yêu cầu sau khi ly hôn giao chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Thiên N hiện đang sống với chị D và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ là chị D nếu cha mẹ cháu ly hôn. Để đảm bảo quyền lợi và tôn trọng ý kiến của con chung khi giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử cần xem xét giao cháu N cho người mẹ là chị Nguyễn Kiều D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và lao động được. Do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết buộc anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhN dN thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Kiều D phải chịu án phí hôn nhN và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dN sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 84, 131 Luật hôn nhN và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kiều D.

- Về quan hệ hôn nhN: Chị Nguyễn Kiều D được ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung: Giao con chung Trần Thiên N, sinh năm 2003 cho chị

Nguyễn Kiều D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Kiều D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhN sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022087 ngày 07/04/2022 của Chi cục thi hành án dN sự thành phố Mỹ Tho, nên xem N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kiều D và anh Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dN sự thì người được thi hành án dN sự, người phải thi hành án dN sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dN sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dN sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã TN Mỹ Chánh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.07

Phạm Thị Sắc Ly